TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sua

Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Thu V, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chổ ở hiện nay: ấp T, xã Tr, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1989; Cư trú tại: Tổ 1, ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hồ Thị Thu V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu V và anh Đoàn Văn L tự nguyện tìm hiểu và chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2014. Quá trình chung sống do phải làm dâu bên gia đình chồng nên giữa chị V và mẹ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh L không giải quyết được khúc mắc giữa chị và mẹ chồng. Anh không có chính kiến, phụ thuộc mẹ ruột nên chị không chấp nhận được. Chị về nhà cha mẹ ruột ở hơn 04 tháng nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung:

1. Đoàn Thị Kim N, sinh ngày 22/8/2012

2. Đoàn Thị Kim N, sinh ngày 30/5/2014

Hiện cháu Ng đang sống chung với chị V. Anh L đang nuôi cháu Ng. Chị cho rằng có đủ điều kiện để nuôi hai con với mức thu nhập 200.000 đồng – 300.000 đồng / ngày từ công việc buôn bán và may gia công tại nhà. Còn anh L làm cho gia đình, phụ thuộc vào cha mẹ nên không có thu nhập ổn định. Hơn nữa gia đình anh L làm nông, ứng xử, lời nói thô lỗ sẽ làm các con bị ảnh hưởng nên yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng. Nhưng tại phiên tòa chị thay đổi ý kiến, yêu cầu anh L cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/ tháng cho hai con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng cũng không nợ ai.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Đoàn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị V trình bày. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có vấn đề là do chị V với mẹ anh thường xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không hàn gắn được. Nay anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung:

1. Đoàn Thị Kim Ng, sinh ngày 22/8/2012

2. Đoàn Thị Kim N, sinh ngày 30/5/2014

Hiện cháu Ng đang sống chung với chị V. Anh L đang nuôi cháu N. Anh không đồng ý để chị V nuôi hai con chung. Anh yêu cầu được nuôi cháu N, giao cháu Ng cho chị V nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh phụ giúp công việc gia đình nên có đủ thu nhập và thời gian chăm sóc con. Hơn nữa có ông bà nội cùng anh lo cho con. Chị V hiện đang sống cùng với gia đình có anh chị ở chung rất phứt tạp. Một mình chị V nuôi hai con nhỏ sẽ khó khăn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh xác định vợ chồng cũng không nợ ai.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: cần căn cứ vào Điều 51, 55 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh L và chị V.

Về con chung: căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao cháu Đoàn Thị Kim Ng và cháu Đoàn Thị Kim N cho chị V nuôi dưỡng do cháu N chỉ mới hơn 03 tuổi, đồng thời cả hai cháu là gái cần sự gần

gũi, quan tâm chăm sóc của người mẹ. Anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thu V vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có mặt đủ nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của chị V Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hôn nhân: anh chị tự nguyên chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 2014 nên hôn nhân giữa chị V và anh L là hợp pháp.

Anh chị thống nhất giữa vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn do đó cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị V và anh L.

Về con chung: Quá trình ly thân, chị V nuôi cháu Ng, cháu N sống với anh L. Cháu N sinh ngày 30/5/2014 đến nay đã hơn 36 tháng tuổi, xét thấy với điều kiện của chị V và anh L cần giao con chung cho mỗi người nuôi mỗi cháu mới có thể đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, giao cháu Đoàn Thị Kim Ng cho chị V nuôi dưỡng, anh L có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Đoàn Thị Kim N là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do con chung giao cho mỗi người nuôi mỗi cháu, xét thấy điều kiện kinh tế của anh L và chị V

tương đồng nhau nên không chấp nhận yêu cầu của chị V về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh L và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Sau khi ly hôn, chị V và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị V, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị V, anh L xác định vợ chồng không nợ ai nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Thu V và anh Đoàn Văn L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hồ Thị Thu V đối với anh Đoàn Văn L.

Về hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Hồ Thị Thu V và anh Đoàn Văn L.

Về nuôi con chung:

Giao con chung Đoàn Thị Kim Ng, sinh ngày 22/8/2012 cho chị Hồ Thị Thu V trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Đoàn Thị Kim N, sinh ngày 30/5/2014 cho anh Đoàn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị V và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Sau khi ly hôn, chị V và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị V và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị trình bày nợ chung không có nên không xem xét.

2. Về án phí:

Chị Hồ Thị Thu V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018031 ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị V số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Đoàn Văn L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Bình